Teacher Tu

HOMEWORK

Review: Date and time (Ôn tập: Ngày, giờ)

Name: …….. Class ……..

Task 1: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số ngày		28 hoặc 29				30					30	

Task 2: Xem tờ lịch tháng 4 năm 2020, điền các ngày còn thiếu và trả lời câu hỏi:

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
4				1	2	3	4
	5		7	8	9		11
	12	13	14		16	17	18
	19		21	22	23	24	
	26	27	28		30		

- Ngày 1 tháng 4 là thứ …
- Ngày 15 tháng 4 là thứ …
- Ngày cuối cùng của tháng 4 là thứ …
- Tháng 4 có …. ngày chủ nhật.
- Ngày chủ nhật cuối cùng của tháng 4 là ngày …

Task 3: Answer the questions (Trả lời câu hỏi)

a. Biết ngày 14 tháng 4 là thứ tư, vậy ngày 19 trong cùng tháng 4 đó là thứ ….

b. Biết ngày 2 tháng 8 là thứ hai, vậy ngày 7 trong cùng tháng 8 đó là thứ ….

c*. Biết ngày 29 tháng 8 là chủ nhật, vậy ngày 2 tháng 9 trong cùng năm đó là thứ ….

Task 4: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống)

1 giờ 15 phút chiều còn gọi là 13 giờ 15 phút	20 giờ 15 phút còn gọi là 8 giờ 15 phút tối
3 giờ 25 phút chiều còn gọi là … giờ … phút	16 giờ 45 phút còn gọi là … giờ … phút chiều
9 giờ 20 phút tối còn gọi là … giờ … phút	22 giờ 15 phút còn gọi là … giờ … phút tối

Task 5: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống)

Khi giờ hơn có số phút lớn hơn 30, ta còn có thể đọc nó là giờ kém bằng cách tăng giờ thêm 1, và lấy số phút mới là 60 – số phút cũ

VD: 5 giờ 45 phút. Tăng giờ: 5+1=6 và số phút mới: 60–45=15. Vậy cách đọc khác là:
6 giờ kém 15 phút

a. 5 giờ 45 phút còn gọi là 6 giờ kém 15 phút	e. 7 giờ kém 20 phút còn gọi là 6 giờ 40 phút
b. 2 giờ 35 phút còn gọi là … giờ kém … phút	f. 12 giờ kém 10 phút còn gọi là … giờ … phút
c. 1 giờ 55 phút còn gọi là … giờ kém … phút	g. 11 giờ kém 5 phút còn gọi là … giờ … phút
d*. 12 giờ 40 phút còn gọi là … giờ kém … phút	h*. 1 giờ kém 15 phút còn gọi là … giờ … phút

LIVEWORKSHEETS